TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHỦ LÝ** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/HNGĐ - ST.

Ngày 16 - 5 - 2019.

V/v:"Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ- TỈNH HÀ NAM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Xuyên.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Chí Trung và bà Đoàn Thị Huệ.

***Thư ký phiên toà*:** Bà Đỗ Thị Nhung - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý tham gia phiên tòa: Ông Phạm Sỹ Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2019, về tranh chấp kiện xin ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2019/QĐST-HNGĐ ngày 06/5/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Dương Thị N, sinh năm 1998; địa chỉ: 304/81/11, đường ĐT 743A, khu phố TT, phường BT, thị xã D.A, tỉnh Bình Dương. (Vắng mặt có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Tiến L, sinh năm 1984; địa chỉ: thôn BN, xã TX, thành phố PL, tỉnh Hà Nam. (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, lời khai và các tài liệu chứng cứ được thu thập trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Dương Thị N trình bày:

Chị và anh Nguyễn Tiến L lấy nhau là do hai bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 11/11/2016 tại Uỷ ban nhân dân xã TX, thành phố PL, tỉnh Hà Nam, trước khi kết hôn vợ chồng chị có thời gian tìm hiểu nhau được 06 tháng. Việc kết hôn cũng được tổ chức cưới hỏi theo phong tục tại địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống cùng gia đình anh L ở thôn Bùi, xã TX (nay là thôn BN, xã TX) chỉ

được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau và anh L hay chơi cờ bạc không quan tâm đến vợ con. Bản thân chị đã khuyên anh L nhưng anh L không nghe mà còn đánh chị. Từ đó vợ chồng chị không có tiếng nói chung và không quan tâm đến nhau nữa. Đến tháng 7 năm 2018, chị đã mang theo con trai vào thị xã D.A, tỉnh Bình Dương sinh sống và vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng chị không quan tâm đến cuộc sống của nhau và chấm dứt mọi quan hệ vợ chồng. Đến nay, chị xác định tình cảm chị dành cho anh L không còn nữa, mâu thuẫn của vợ chồng chị rất trầm trọng không thể hàn gắn được nên chị xin được ly hôn với anh Nguyễn Tiến L.

Về con chung: Chị và anh L có 01 con chung là cháu Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 07/8/2016 (con trai), hiện nay cháu Đ đang ở với chị do chị nuôi dưỡng, chăm sóc. Do con chị còn rất nhỏ mới được gần 03 tuổi nên rất cần sự chăm sóc của chị, khi ly hôn chị xin được nuôi cháu Nguyễn Tiến Đ và chị không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Con nuôi, con riêng: Vợ chồng chị không có. Hiện chị không có thai nghén gì.

Về tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng chị không có nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Tiến L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các giấy triệu tập và các văn bản tố tụng rất nhiều lần nhưng không chấp hành giấy triệu tập và các văn bản tố tụng của Tòa án, do vậy không có quan điểm của anh L.

* Bà Đỗ Thị Liên là mẹ đẻ của anh Nguyễn Tiến L có quan điểm: Sau khi anh L và chị N kết hôn, chị N về sống ở gia đình bà, anh L làm nghề lái xe tải, còn chị N ở nhà chăm con. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng con trai bà cụ thể thế nào thì bà không nắm được, nhưng bà nghĩ là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng cũng có cãi nhau. Nay chị N có đơn xin ly hôn anh L thì bà đề nghị giải quyết theo pháp luật. Về con chung: Chị N và anh L có một con chung là cháu Nguyễn Tiến Đ, sinh năm 2016, hiện nay chị N đang nuôi dưỡng, chăm sóc. Khi ly hôn bà đề nghị giải quyết theo nguyện vọng của các con bà.

* Quan điểm của Ủy ban nhân dân xã TX, thành phố Phủ Lý: Nay chị Dương Thị N có đơn xin ly hôn, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho vợ chồng chị N ly hôn theo quy định, vì thực tế khả năng đoàn tụ của vợ chồng chị N anh L là rất khó. Về con chung đề nghị Tòa án xem xét nguyện vọng của chị N và trên cơ sở pháp luật để giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay:

* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng; ý kiến về việc giải quyết vụ án.

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn như: thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chị Dương Thị N đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Tiến L chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, cụ thể: Anh L vắng mặt không có lý do tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 09/4/2019 và ngày 16/4/2019 mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Sau khi trình bày và phân tích các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét quan điểm, nguyện vọng của các đương sự tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định:

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 68, 144, 147, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị N.

- Về hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Dương Thị N và anh Nguyễn Tiến L.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 07/8/2016 cho chị Dương Thị N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Tiến L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N.

- Về tài sản và công nợ: Chị N không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị N phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Căn cứ và nội dung đơn khởi kiện của chị Dương Thị N có đủ cơ sở xác định quan hệ tranh chấp là "Ly hôn, nuôi con chung" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì bị đơn anh Nguyễn Tiến L có nơi cư trú tại thôn BN, xã TX, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

[2] Về hôn nhân: Chị Dương Thị N và anh Nguyễn Tiến L kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 11/11/2016 tại Uỷ ban nhân dân xã TX, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam đã thỏa mãn với điều kiện, thủ tục kết hôn được Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Dương Thị N, Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau khi kết hôn, chị N và anh L chung sống cùng nhau chỉ được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, trong cuộc sống vợ chồng thường xảy ra cãi nhau, nên vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2018 đến nay. Qúa trình giải quyết tại Tòa án, mặc dù Tòa án đã triệu tập anh L nhiều lần đến Tòa án để thể hiện quan điểm và tham gia các phiên họp hòa giải, nhưng anh L đều vắng mặt. Tại phiên tòa ngày 06/5/2019, phiên tòa hôm nay anh L đều vắng mặt không có lý do. Điều đó, chứng tỏ anh L không mong muốn đoàn tụ vợ chồng. Xét thấy, cuộc hôn nhân của vợ chồng chị N và anh L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, việc giải quyết ly hôn là cần thiết nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N là phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị N và anh L có 01 con chung cháu Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 07/8/2016 (con trai), do chị N đang nuôi dưỡng, chăm sóc. Xét nguyện vọng của chị N xin được nuôi con chung và không đề nghị anh L cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử thấy: Cháu Nguyễn Tiến Đ còn rất nhỏ (dưới 36 tháng tuổi) nên rất cần có sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ. Mặt khác cháu Đ đang ở với chị

N. Do đó, cần giao cho chị N được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Tiến Đ và anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N là phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị N trình bày vợ chồng chị không có, chị không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị N phải nộp theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Căn cứ các Điều 51; 56; 58; 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[1] Xử ly hôn giữa: Chị Dương Thị N và anh Nguyễn Tiến L.

[2] Về con chung: Giao chị Dương Thị N được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 07/8/2016 (con trai) cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Tiến L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Dương Thị N.

Hai bên có đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Không bên nào được cản trở quyền gặp gỡ, chăm sóc, thăm nom con chung.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Dương Thị N phải nộp là 300.000đ, chị N được đối trừ với 300.000đ, mà chị đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2015/0002041 ngày 13/3/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Chị N đã nộp đủ án phí.

[4] Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, chị N và anh L vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- Chi cục THADS thành phố Phủ Lý;
- UBND xã TX, TP Phủ Lý, tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)
Nguyễn Thị Xuyên